

**DANH SÁCH THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN: XÂY DỰNG ĐƯỜNG GIAO THÔNG
PHÍA TÂY QUỐC LỘ 13 KẾT NỐI CHON THÀNH-HOA LƯ' (ĐOẠN QUA XÃ MINH ĐỨC, TỈNH ĐỒNG NAI)**
(Kèm theo Thông báo số: 90/TB-UBND ngày 17/10/2025 của UBND xã Minh Đức)

STT	Tên hộ gia đình, cá nhân, tổ chức	Địa chỉ thường trú/trụ sở	Diện tích thu hồi (m²)	Loại đất thu hồi	Địa chỉ khu đất thu hồi	Thông tin đo vẽ		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						Số thửa	Mảnh trích đo địa chính		
1	Hà Ngọc Uyển	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	286,1	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
2	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	34.203,7	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	2	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
3	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3.512,7	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
4	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	498,8	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	4	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
5	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	959,5	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	5	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
6	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	817,9	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	6	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
7	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	874,8	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	7	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
8	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.020,0	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	8	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
9	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.350,7	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	9	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
10	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	201,0	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	10	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
11	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	118,0	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	11	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
12	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.148,2	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	12	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
13	Trại giam Tổng Lê Chân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	4.161,4	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	14	TĐ401-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
14	Lê Ngọc Bảo	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	757,6	CLN	Sóc 5, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	2	TĐ402-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
15	Đoàn Phương Bình	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	7.751,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1	TĐ404-2022	GCNQSD đất số CH 02892 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 25/4/2022	

16	Vũ Đức Ân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	15,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	2	TĐ404-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
17	Vũ Đức Ân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	9.339,9	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ404-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
18	Nguyễn Bích Liên	phường Phú Lợi, TPHCM	10.312,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1	TĐ405-2024	GCNQSD đất số CH 00372 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 19/01/2012	
19	Nguyễn Bích Liên	phường Phú Lợi, TPHCM	12.997,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	2	TĐ405-2024	GCNQSD đất số CH 00376 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 19/01/2012	
20	Lương Ngọc Anh	phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	14.183,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ405-2024	GCNQSD đất số CH 00371 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 24/11/2011	
21	Phan Thị Dự	phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	10.857,1	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	4	TĐ405-2024	GCNQSD đất số CH 00370 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 19/01/2012	
22	Tạ Thị Kim Ngọc	phường Chợ Lớn, TPHCM	24.212,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ406-2024	GCNQSD đất số CH 00287 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 07/10/2011	
23	Điêu Ken	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	17	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
24	Vũ Thị Nguyệt	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	19,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	18	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
25	Nguyễn Thị Nga	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	24,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	19	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
26	Đặng Văn Hoàn	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	86,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	20	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
27	Đặng Văn Hoàn	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	50,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	21	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
28	Tô Thị Hà Liên	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	51,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	22	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
29	Thị Nêu	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	190,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	23	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
30	Đoàn Quang Hân	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	372,8	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	25	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
31	Trần Văn Tâm	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	57,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	26	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
32	Ninh Văn Mạnh	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	54,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	27	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
33	Nguyễn Thị Nhung	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	60,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	28	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	

34	Đặng Văn Hoàn	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	179,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	29	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
35	Nguyễn Hữu Mạnh	phường An Lộc, tỉnh Đồng Nai	117,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	31	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
36	Đỗ Thị Huệ	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	124,1	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	32	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
37	Trần Minh Hữu	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	230,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	33	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
38	Nguyễn Thị Duyên	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	793,8	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	34	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
39	Trần Văn Đính	xã Phú Hoà, tỉnh Đồng Nai	385,1	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	35	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
40	Nguyễn Thị Anh	phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai	262,1	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	37	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
41	Cao Căn Tý	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	223,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	38	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
42	Đặng Văn Hoàn	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	273,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	39	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
43	Trần Văn Hoan	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	300,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	44	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
44	Hà Phương Nam	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	328,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	45	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
45	Nguyễn Văn Dương	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	714,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	46	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
46	Nguyễn Thị Hải	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	104,8	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	51	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
47	Lê Thị Như Ý	phường Vĩnh Tân, TPHCM	25.275,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	58	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
48	Thạch Thị Nết	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	292,1	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	64	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
49	Cao Căn Tý	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	294,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	65	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
50	Hồ Quốc Đạt	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	279,8	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	72	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
51	Hồ Quốc Đạt	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	122,8	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	73	TĐ406-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
52	Đặng Thị Lang	phường Chợ Lớn, TPHCM	8.299,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ407-2024	GCNQSD đất số CH 00312 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 24/10/2011	
53	Đàm Văn Trắng	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.000,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	5	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	

54	Phan Thị Ngọc Dung	phường Chợ Lớn, TPHCM	4.514,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	6	TĐ407-2024	GCNQSD đất số 00314 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 27/10/2011	
55	Phan Thị Ngọc Dung	phường Chợ Lớn, TPHCM	179,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	7	TĐ407-2024	GCNQSD đất số 00313 do UBND huyện Hớn Quản cấp ngày 27/10/2011	
56	Nguyễn Công Lập	phường Minh Hưng, tỉnh Đồng Nai	2.302,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	8	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
57	Lê Thị Thắm	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	2.257,9	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	10	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
58	Lê Thị Thắm	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	10.228,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	11	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
59	Nguyễn Thị Lý	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.204,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	12	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
60	Nguyễn Thanh Sang	xã Tân Khai, tỉnh Đồng Nai	548,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	13	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
61	Nguyễn Thị Hạnh	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.144,9	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	15	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
62	Lê Văn Tư	xã Dầu Tiếng, TPHCM	342,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	16	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
63	Lê Thị Thanh	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	635,3	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	17	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
64	Hồ Thị Hợi	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	150,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	18	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
65	Tạ Hoàng Phúc	phường Minh Phụng, TPHCM	5.421,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	19	TĐ407-2024	GCNQSD đất số CH 00288 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 07/10/2011	
66	Nguyễn Thị Kim Thúy	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	6,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	20	TĐ407-2024	Đất chưa có GCNQSD đất	
67	Trần Văn Cường	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	1.754,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1	TĐ408-2022	GCNQSD đất số CH 02558 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 01/12/2021	
68	Tôn Nữ Cẩm Tú	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	1.151,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	2	TĐ408-2022	GCNQSD đất số CH 02683 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 11/02/2022	
69	Tạ Hoàng Phúc	phường Chợ Lớn, TPHCM	15.275,3	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ408-2022	GCNQSD đất số CH 00564 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 14/6/2013	
70	Nguyễn Trí Bình	TPHCM	6.891,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	4	TĐ408-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	

71	Đặng Thị Hồng	phường Chợ Lớn, TPHCM	25.725,8	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	7	TĐ408-2022	GCNQSD đất số CH 02161 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 05/05/2021	
72	Điều Chiên	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	656,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
73	Điều Linh	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3.023,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	2	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
74	Thị Thê	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3.989,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
75	Thị Vai	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.824,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	4	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
76	Trần Văn Danh	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	5.374,3	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	5	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
77	Huỳnh Văn Minh	xã Bàu Bàng, TPHCM	9.201,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	6	TĐ409-2022	GCNQSD đất số CH 01695 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 06/11/2019	
78	Điều Hang	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	7.505,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	7	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
79	Điều Chương	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	2.352,3	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	8	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
80	Điều Tuấn	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	1.102,3	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	9	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
81	Điều Thị Lang	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	861,6	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	10	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
82	Điều Thị Trang	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	2.481,9	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	11	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
83	Thị Loan	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	1.759,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	12	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
84	Thị Sang	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	1.546,2	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	13	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
85	Phan Thị Hiền	xã Bù Đăng, tỉnh Đồng Nai	13.971,5	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	14	TĐ409-2022	GCNQSD đất số CH 01454 do UBND huyện Hớn Quản (cũ) cấp ngày 20/8/2018	
86	Thị Ly	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	444,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	15	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
87	Điều Tuấn	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	386,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	16	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
88	Thị Nhét	phường Bình Long, tỉnh Đồng Nai	453,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	17	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
89	Cao Căn Tỷ	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	3.955,9	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	18	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	

90	Thị Ứt	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	550,0	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	19	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
91	Đỗ Hoài Thanh	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	443,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	20	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
92	Vũ Đình Hà	xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	229,4	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	21	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
93	Nguyễn Thị Tuyết	tỉnh Đồng Nai	3.596,7	CLN	ấp 4, xã Minh Đức, tỉnh Đồng Nai	22	TĐ409-2022	Đất chưa có GCNQSD đất	
	Tổng cộng		325.595,50						